

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2023/KDTM-ST
Ngày: 11 - 7 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Liên
- Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2023/TLST-KDTM ngày 13 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2023/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2023/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Thành T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07 tháng 7 năm 2020).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Giản Thanh H và ông Trần Văn B; cùng địa chỉ: I đường C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 4453/2023/UQ-PGD ngày 29 tháng 6 năm 2023). Ông B có mặt, còn ông H vắng mặt tại phiên tòa ngày 06/7/2023. Ông H có mặt, còn ông B vắng mặt khi tuyên án ngày 11/7/2023).

2. Bị đơn: Công ty TNHH X

Trụ sở: Tầng F, Tòa nhà M, số B C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Tô L; trú tại: 3 (số mới: 404/2/7) đường Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc Công ty TNHH X) vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Hoàng Tô L, sinh năm: 1973

Địa chỉ: 3 (số mới: 404/2/7) đường Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Văn B là người đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngày 14-8-2017, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – Chi nhánh Q và Công ty TNHH X có ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho Công ty X với hạn mức là 200.000.000đ (hai trăm triệu) đồng, số CIF: 3741474, loại thẻ tín dụng quốc tế MasterCard, với mục đích sử dụng vốn thông qua việc phát hành thẻ. Lãi suất áp dụng tại thời điểm cấp thẻ là 25%/năm (Quyết định số 844/2015/QĐ-TGD ngày 23/11/2015), lãi suất thay đổi từ ngày 25/5/2019 là 29.5%/năm (Quyết định số 298/2019/QĐ-TGD ngày 14/5/2019) và lãi suất thay đổi được áp dụng từ ngày 12/10/2019 đến nay là 32%/năm (Quyết định số 746/2019/QĐ-TGD ngày 01/10/2019 của V1); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng.

Để đảm bảo khoản vay này, ông Hoàng Tô L và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – Chi nhánh Q đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 14-8-2017. Theo đó, ông L đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Hoàng Tô L cho bên được bảo lãnh là Công ty TNHH X.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức 200.000.000 đồng cho Công ty X. Quá trình sử dụng thẻ, Công ty X mới chỉ thanh toán được một phần tiền gốc 1.709.259 đồng. Do Công ty X vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn thiếu sang nợ quá hạn kể từ ngày 22/12/2021, đồng thời Ngân hàng đã liên hệ với Công ty X và ông Hoàng Tô L yêu cầu trả nợ nhưng bên vay cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty X phải thanh toán số tiền nợ gốc 198.290.741 đồng, nợ lãi trong hạn là 16.945.823 đồng và nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày thời điểm xét xử sơ thẩm (11/7/2023) là 149.907.800 đồng; ngoài ra Ngân hàng yêu cầu Công ty X tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp Công ty X không thanh toán thì buộc ông Hoàng Tô L có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Bị đơn Công ty TNHH X (có ông Hoàng Tô L là người đại diện theo pháp luật của bị đơn) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Tô L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tự khai và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và hai lần xét xử nhưng bị đơn và người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do nên không có lời khai, ý kiến tại Tòa án, đồng thời Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH X có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền nợ gốc 198.290.741 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định. Trường hợp Công ty X không thanh toán hoặc thanh toán không đủ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, đề nghị buộc ông Hoàng Tô L có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 14-8-2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây viết tắt là V1) khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH X (sau đây viết tắt là Công ty X) trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, quan hệ tranh chấp ở đây là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có trụ sở tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Theo Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H ngày 26-4-2022, thể hiện Công ty TNHH X có trụ sở tại: Tầng F, Tòa nhà M, số B C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, đến nay công ty chưa đăng ký giải thể. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an P, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh về tình trạng nơi cư trú của ông Hoàng Tô L (ông L là người đại diện theo pháp luật của bị đơn vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) như sau: “*Hoàng Tô Linh có hộ khẩu thường trú tại 36/3 (số mới: 404/2/7) đường Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bán nhà đi khỏi địa phương từ năm 2019 đến nay.*”

Hiện L đi đâu, làm gì địa phương không nắm rõ”. Nhận thấy trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ trụ sở của người bị kiện theo địa chỉ trong hợp đồng tín dụng và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nhưng người bị kiện không có địa chỉ hoạt động ổn định, thường xuyên thay đổi địa chỉ hoạt động của công ty M không công bố công khai, không thông báo cho người khởi kiện biết về địa chỉ hoạt động mới của công ty làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Đồng thời, ông Hoàng Tô L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú và không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Vì vậy, xác định đây thuộc trường hợp người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Công ty X là bị đơn và ông Hoàng Tô L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, không có yêu cầu phản tố và không có yêu cầu độc lập đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Công ty X và ông Hoàng Tô L.

[1.3] Về trình tự thủ tục hòa giải tại Tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây được coi là trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được.

[1.4] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh địa chỉ nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100233583, đăng ký lần đầu: Ngày 08 tháng 9 năm 1993 và đăng ký lần cuối cùng: Ngày 27 tháng 11 năm 2018 thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V là tổ chức tín dụng. V1 giao kết hợp đồng tín dụng với Công ty X thông qua người đại diện của Ngân hàng và người đại diện theo pháp luật của công ty, hợp đồng được giao kết bằng văn bản, dựa trên sự tự nguyện của các bên. Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với

ngành nghề đăng ký kinh doanh của các bên nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, xác định hợp đồng được giao kết hợp pháp, có giá trị pháp lý kể từ thời điểm giao kết, là căn cứ để xác lập các quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền nợ gốc 198.290.741 đồng, thấy rằng: Giữa V1 và Công ty X có ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 14-8-2017. Theo đó, V1 đã cấp cho Công ty X thẻ tín dụng, số CIF: 3741474, loại thẻ tín dụng quốc tế MasterCard, với mục đích sử dụng vốn thông qua việc phát hành thẻ. Quá trình sử dụng thẻ, Công ty X đã thanh toán cho V1 được số tiền gốc 1.709.259 đồng, sau đó ngưng đến nay không thanh toán, đã vi phạm mục 2 Điều 6 và điểm d mục 2 Điều 7 Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 14-8-2017. Vì vậy, Ngân hàng đã chấm dứt việc sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn kể từ ngày 22/12/2021, đồng thời tiến hành thu hồi nợ trước hạn là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của các bên tại điểm i mục 1 Điều 8, điểm a mục 2 Điều 11 Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 14-8-2017 và quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Về phía bị đơn Công ty X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Tô L trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai, cho thấy bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã từ bỏ nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh Công ty X hoặc ông Hoàng Tô L đã thanh toán khoản nợ gốc nêu trên cho V1, do đó bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải gánh chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được theo quy định của pháp luật.

Nên diễn giải khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 280, Điều 463 và khoản 1 Điều 466 BLDS ra phần này, không ghi đã vi phạm ở phần dưới (Tham khảo)

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, V1 khởi kiện yêu cầu Công ty X có trách nhiệm thanh toán tiền nợ gốc 198.290.741đ (một trăm chín mươi tám triệu hai trăm chín mươi ngàn bảy trăm bốn mươi một) đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 280; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả tiền lãi trên nợ gốc và lãi trên nợ gốc quá hạn (lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn): Tại mục 1 Điều 4 Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 14-8-2017, các bên thỏa thuận lãi suất thẻ tín dụng trong hạn được xác định theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định từng thời kỳ và lãi suất quá hạn bằng 150%

lãi suất trong hạn đang áp dụng. Theo đó, lãi suất áp dụng tại thời điểm cấp thẻ tín dụng là 25%/năm (Quyết định số 844/2015/QĐ-TGD ngày 23-11-2015), lãi suất thay đổi từ ngày 25/5/2019 là 29.5%/năm (Quyết định số 298/2019/QĐ-TGD ngày 14-5-2019) và lãi suất thay đổi được áp dụng từ ngày 12/10/2019 đến nay là 32%/năm (theo Quyết định số 746/2019/QĐ-TGD ngày 01-10-2019 của V1). Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và hướng dẫn tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Ngân hàng N nên được chấp nhận.

Theo Bảng chiết tính lãi vay do V1 cung cấp, có căn cứ xác định tiền lãi Công ty X còn nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (11/7/2023) là 166.853.623 đồng, trong đó lãi trong hạn là 16.945.823 đồng và lãi quá hạn là 149.907.800 đồng. Do đó, V1 yêu cầu Công ty X phải trả tiền lãi nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Ngân hàng yêu cầu Công ty X tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh kể từ sau thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi ông Hoàng Tô L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong trường hợp Công ty X không trả được nợ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 14-8-2017, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – Chi nhánh Q và ông Hoàng Tô L có ký kết Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL. Hợp đồng được giao kết bằng văn bản, dựa trên sự tự nguyện của các bên nên xác định hợp đồng được giao kết hợp pháp, có giá trị pháp lý kể từ thời điểm giao kết, là căn cứ để xác lập các quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo hợp đồng, ông L đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty X trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty X đối với V1 bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí,... phát sinh từ Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 14-8-2017.

Tại Điều 335 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về bảo lãnh như sau: “1. *Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. 2 các bên có thể thỏa thuận về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh trong trường hợp bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh*”.

Khoản 1 và khoản 2 Điều 336 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về phạm vi bảo lãnh: “1. *Bên bảo lãnh có thể cam kết bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh. 2. Nghĩa vụ bảo lãnh bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, lãi trên số tiền chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Khoản 1 Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh: “1. Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó”.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên thì khi bên được bảo lãnh là Công ty X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì V1 yêu cầu bên bảo lãnh là ông Hoàng Tô L có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả toàn bộ nợ trên cho V1 theo cam kết trong Hợp đồng bảo lãnh là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

[4.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu Công ty X trả số tiền 365.144.364 đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 18.257.218đ (Mười tám triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm mười tám) đồng.

[4.2] Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 6.228.579đ (Sáu triệu hai trăm hai mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi chín) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0032512 ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 280; Điều 335; khoản 1, khoản 2 Điều 336; khoản 1 Điều 342; Điều 401; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91; khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

1.1. Buộc Công ty TNHH X phải thanh toán trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền nợ gốc là 198.290.741 đồng và khoản tiền nợ lãi suất cho vay trong hạn là 16.945.823 đồng, nợ lãi suất quá hạn là 149.907.800 đồng; tổng cộng là 365.144.364đ (Ba trăm sáu mươi lăm triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm sáu mươi bốn) đồng phát sinh từ Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 14-8-2017.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3. Trường hợp Công ty TNHH X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ông Hoàng Tô L là bên bảo lãnh phải có trách nhiệm thanh toán trả toàn bộ khoản nợ của Công ty TNHH X cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 14-8-2017.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 18.257.218đ (Mười tám triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm mười tám) đồng.

2.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 6.228.579đ (Sáu triệu hai trăm hai mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi chín) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0032512 ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

Đặng Xuân Chính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính

